

Số: 2164/QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

#### Về việc Ban hành quy định thu học phí năm học 2023-2024 trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà khóa tuyển 2022 và khóa tuyển 2023

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-ĐHQG ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Khoa học tự nhiên giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính Phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây viết tắt là NĐ81/2021/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ công văn số 5459/BGDĐT-KHTC ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số 1839/ĐHQG-TC ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện mức học phí năm học 2023-2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Học phí đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà (kể cả sinh viên cử nhân tài năng) được thu theo học kỳ căn cứ vào tổng số tiết thực học của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ và mức thu của một tín chỉ học phí được quy định theo năm học, trong đó 15 tiết thực học được tính là một tín chỉ học phí.

**Điều 2.** Trong năm học 2023-2024, mức thu của một tín chỉ học phí (còn gọi là đơn giá tín chỉ học phí) được xác định căn cứ vào mức học phí theo khối ngành, lĩnh vực đào tạo, loại học phần và tổng số tín chỉ học phí toàn khóa học theo NĐ81/2021/NĐ-CP. Mức thu của một tín chỉ học phí trong năm học 2023-2024 đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà khóa tuyển 2022 và khóa tuyển 2023 theo loại học phần được quy định tại **phụ lục 1** đính kèm quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Trưởng các phòng, trưởng các khoa, các cá nhân liên quan và sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

*Nơi nhận:*

- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Như điều 4.
- Lưu: VT, ĐT, KHTC, CTSV 



**HIEU TRUONG**

  
Trần Lê Quan

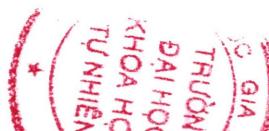
## PHỤ LỤC 1

### **Đơn giá tín chỉ học phí đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà - Khóa tuyển 2022 và khóa tuyển 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 21.64/QĐ-KHTN ngày 26 tháng 10 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM)*

**1. Đơn giá tín chỉ học phí đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy chương trình đại trà khóa tuyển 2022 và khóa tuyển 2023 theo quy định sau đây:**

STT	Tên ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối kiến thức giáo dục đại cương					Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Trung bình học phí NH 2023-2024		
			Đơn giá/ 01 tín chỉ học phí			Tổng số tín chỉ học phí của học phần từ cột 1 đến cột 3	Đơn giá/01 tín chỉ học phí các học phần còn lại của khối kiến thức GDĐC gồm: Toán, Vật lý, Hóa, Sinh, Môi trường, Địa chất, Tin học thuộc ngành CNTT....	Tổng số tín chỉ học phí của học phần từ cột 5	Đơn giá/01 tín chỉ học phí các học phần của khối kiến thức GDCN gồm: CS ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp...			
			Tin học cơ sở	Lý luận chính trị, KT-XH-PL	Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục thể chất							
			<b>Số thứ tự cột</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>
1	Vật lý học	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	41,0	495.000	112,0	21.500.000	
2	Hải dương học	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	42,0	495.000	111,0	21.500.000	
3	Kỹ thuật hạt nhân	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	41,0	504.000	110,0	21.500.000	
4	Khoa học môi trường	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	43,0	509.000	107,0	21.500.000	
5	Công nghệ kỹ thuật môi trường	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	43,0	514.000	106,0	21.500.000	
6	Địa chất	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	37,0	497.000	115,5	21.500.000	
7	Vật lý Y Khoa	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	41,0	613.000	110,0	24.500.000	
8	Kỹ thuật địa chất	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	37,0	497.000	115,5	21.500.000	



STT	Tên ngành đào tạo	Thời gian đào tạo	Khối kiến thức giáo dục đại cương						Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		Trung bình học phí NH 2023-2024	
			Đơn giá/ 01 tín chỉ học phí			Tổng số tín chỉ học phí của học phần từ cột 1 đến cột 3	Đơn giá/01 tín chỉ học phí các học phần còn lại của khối kiến thức GDĐC gồm: Toán, Vật lý, Hóa, Sinh, Môi trường, Địa chất, Tin học thuộc ngành CNTT....	Tổng số tín chỉ học phí của học phần từ cột 5	Đơn giá/01 tín chỉ học phí các học phần của khối kiến thức GDCN gồm: CS ngành, chuyên ngành, tốt nghiệp...	Tổng số tín chỉ học phí các học phần thuộc cột 9		
			Tin học cơ sở	Lý luận chính trị, KT-XH-PL	Giáo dục Quốc phòng - An ninh; Giáo dục thể chất							
			<b>Số thứ tự cột</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>9</b>
9	Quản lý tài nguyên và Môi trường	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	39,0	513.000	110,0	21.500.000	
10	Nhóm ngành Toán học	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	49,0	727.000	101,0	27.000.000	
11	Nhóm ngành Công nghệ thông tin	4 năm	330.000	330.000	330.000	26,0	495.000	52,0	666.000	110,5	27.000.000	
12	Trí tuệ nhân tạo	4 năm	330.000	330.000	330.000	26,0	495.000	52,0	672.000	109,5	27.000.000	
13	Hóa học	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	42,0	606.000	127,0	27.000.000	
14	Sinh học	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	50,0	708.000	103,0	27.000.000	
15	Công nghệ sinh học	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	45,0	725.000	104,0	27.000.000	
16	Khoa học vật liệu	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	40,0	749.000	104,0	27.000.000	
17	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	42,0	726.000	106,0	27.000.000	
18	Khoa học dữ liệu	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	52,0	727.000	99,0	27.000.000	
19	Công nghệ Vật liệu	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	42,0	678.000	113,5	27.000.000	
20	Công nghệ vật lý điện tử và tin học	4 năm	330.000	330.000	330.000	31,0	495.000	38,0	621.000	127,0	27.000.000	

2. Các học phần Anh văn là học phần điều kiện và thuộc khối kiến thức bổ trợ, sinh viên được xét miễn học nếu nộp chứng chỉ ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra theo quy định hiện hành. Đối với sinh viên trình độ đại học chương trình đại trà khóa tuyển 2022 và khóa tuyển 2023, đơn giá 01 tín chỉ học phí các học phần Anh văn là **330.000 đồng.**

